

Bản án số: 135/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Văn Bé

2. Ông Võ Lâm Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 310/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ 10, ấp Thị 1, thị trấn Mỹ L, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ 10, ấp Thị 1, thị trấn Mỹ L, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh L trình bày, sau thời gian tự tìm hiểu anh và chị M được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1997 đến năm 2002 vợ chồng M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ L huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống chung đôi lúc cũng hay cãi vã, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, chị M không lo làm ăn,

anh có khuyên nhưng không sửa đổi, vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị M. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh Nhân, sinh ngày 15/3/1999 (hiện nay đã thành niên)

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thanh L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận kết hôn số TT:99 ngày 15.8.2002 do Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ L, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 15.8.2002 (bản chính); Giấy khai sinh của Nguyễn Huỳnh Thanh Nhân, (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, anh L không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh L và chị Nguyễn Thị Huỳnh M quen biết và được cha mẹ đồng ý, tổ chức lễ cưới năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mỹ L ngày 15/8/2002, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2018, nguyên nhân do chị M không lo làm ăn, vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh L có khuyên nhưng chị M không sửa đổi. Nay, nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với chị M.

Xét thấy, xuất phát từ việc vợ chồng không cùng quan điểm sống nên trong cuộc sống không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng ly thân từ tháng 10/2018. Mặt khác, anh L cho rằng chị M không làm ăn để cải thiện cuộc sống gia đình và nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị M không sửa đổi. Tại Tòa án, anh L xác định không còn tình cảm với chị M nên mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh Nhân, sinh ngày 15/3/1999, đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thanh L đối với chị Nguyễn Thị Huỳnh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Thanh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Huỳnh M cư trú ấp Thị 1, thị trấn Mỹ L, huyện Chợ M. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Huỳnh M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Thanh L và chị Nguyễn Thị Huỳnh M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị M là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh L xác định, vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã từ khoảng 04 năm cho đến nay do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, chị M và anh L không còn sống chung từ cuối năm 2018 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, anh L và chị M thường xuyên cãi vã và không còn sống chung cách nay khoảng 04 năm. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không tình cảm. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh L và chị M là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh L xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh Nhân, sinh ngày 15/3/1999 (hiện nay đã thành niên)

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thanh L xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chị M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh L.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Huỳnh M.

Giấy chứng nhận kết hôn số TT:99 ngày 15.8.2002 do Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ L, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 15.8.2002 cho anh Nguyễn Thanh L và chị Nguyễn Thị Huỳnh M không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Anh Nguyễn Thanh L và chị Nguyễn Thị Huỳnh M có 01 con chung Nguyễn Huỳnh Thanh Nhân, sinh ngày 15/3/1999 (hiện nay đã thành niên)

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh L xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Thanh L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh Nguyễn Thanh L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh L, chị M trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thanh L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010389

do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 16 tháng 3 năm 2022; Anh Nguyễn Thanh L đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Huỳnh M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Anh Nguyễn Thanh L có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Huỳnh M được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ M (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ M (1);
- UBND thị trấn Mỹ L, huyện Chợ M, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn